

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CM  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-9-2020  
V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Dương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;
2. Ông Trịnh Văn Bé.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Kiệt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Lộc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 525/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 452/2020/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 410/2020/QĐTS-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu dân cư SĐ, ấp NL, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: số 65/3 khu phố B P, phường BC, thị xã TA, tỉnh Bình Dương (có mặt).

***2. Bị đơn:*** Ông Lê Hùng C, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp NL, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà và ông Lê Hùng C cưới nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới đến năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã NM, hôn nhân do ông, bà tự tìm hiểu và được cha mẹ đồng ý. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, hay cãi nhau nên sống ly thân cho đến nay. Bà xác định tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với ông Lê Hùng C. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Chí H, sinh ngày

09/9/2010 và Lê Chí K, sinh ngày 20/11/2014 hiện đang sống với cha. Sau khi ly hôn bà đồng ý để chồng được tiếp tục nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án ông Lê Hùng C có ý kiến: Thống nhất với vợ về thời gian cưới nhau, vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ thường hay bỏ nhà đi không quan tâm đến chồng con, nên sống ly thân khoảng 05 tháng. Nay vợ yêu cầu ly hôn ông đồng ý. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Chí H, sinh ngày 09/9/2010 và Lê Chí K, sinh ngày 20/11/2014 hiện đang sống với cha. Ông C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu vợ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết. Do bận công việc làm ăn đi lại khó khăn ông yêu cầu xin được xét xử vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

*\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*\* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:*

Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Ông Lê Hùng C, có văn bản xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*\* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Bà Nguyễn Thị C và ông Lê Hùng C kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NM ngày 04/9/2012, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bà C bỏ đi đến cuối năm 2019 về chung sống lại với nhau, nhưng ông C không thay đổi, nên đầu năm 2020 bà C tiếp tục đi làm ở Bình Dương cho đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn, bà C yêu cầu ly hôn với ông C, ông C biết nhưng không tạo điều kiện để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng và bà C xác định không còn tình cảm với ông C, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông C.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Chí H, sinh ngày 09/9/2010 và Lê Chí K, sinh ngày 20/11/2014. Hiện nay cháu H và cháu K đang sống với ông C. Bà C thống nhất để ông C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung, bà C không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay, cháu H và cháu K sống với ông C vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, cháu Hào có nguyện vọng sống chung với ông C. Để ổn định cuộc sống cho hai cháu, nên tiếp tục giao cháu H và cháu K cho ông C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Do ông C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không đề cập đến.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, xem xét quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị C đối với ông Lê Hùng C.
- Ông Lê Hùng C được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Chí H, sinh ngày 09/9/2010 và Lê Chí K, sinh ngày 20/11/2014. Bà Nguyễn Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị C khởi kiện ly hôn với ông Lê Hùng C. Ông C có nơi cư trú ấp NL, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Ông Lê Hùng C có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Hùng C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị C và ông Lê Hùng C là hợp pháp vì ông bà có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà không được hạnh phúc, theo bà C trình bày nguyên nhân do do bất đồng quan điểm, hay cãi nhau thấy tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn. Ông C cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ thường hay bỏ nhà đi không quan tâm đến chồng con, ông C biết nhưng không tạo điều kiện để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng và bà C xác định không còn tình cảm với ông C. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà C và ông C đã diễn ra trong thời gian dài không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Đó đó, yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông C là có căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Lê Hùng C xác định vợ chồng có 02 con chung tên Lê Chí H, sinh ngày 09/9/2010 và Lê Chí K, sinh ngày 20/11/2014 hiện đang sống với ông C; ông C yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, bà C cũng đồng ý để chồng tiếp tục nuôi 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ lúc vợ chồng ly thân ông C là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung nên tình cảm tâm tư gắn liền với người nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu Lê Chí H và cháu có nguyện vọng muốn tiếp tục sống với cha. Đó đó, cần để ông Lê Hùng C tiếp tục nuôi 02 con chung là phù hợp với Điều 81 luật hôn nhân và gia đình cũng như nguyện vọng của con.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 228, 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C và xử như sau:

*Về hôn nhân:* Cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Lê Hùng C. Giấy chứng nhận kết hôn số 222 do Ủy ban nhân dân xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang cấp ngày 04/9/2012 không còn giá trị pháp lý.

*Về con chung:* Ông Lê Hùng C được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Chí H, sinh ngày 09/9/2010 và Lê Chí K, sinh ngày 20/11/2014. Bà Nguyễn Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Hùng C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

*Về nợ chung:* Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng

cứ chứng minh nợ chung của ông, bà trong thời kỳ hôn nhân thì bà Nguyễn Thị C và ông Lê Hùng C vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

*Về án phí:* Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008652 ngày 01/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị C đã nộp đủ.

*Về quyền kháng cáo:* Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- VKSND H. CM;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. CM;
- UBND xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Phạm Văn Dương**



